ỦY BAN NHÂN NHÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29 /2026/QĐ-UBND	*Lâm Đồng, ngày 26 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; Thông tư số 84/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số Điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị quyết số 71/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng được vay vốn; mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2026.

2. Các Quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực:

a) Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (cũ) ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

b) Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (cũ) bổ sung một số điều của Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng ban hành kèm theo Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

c) Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông (cũ) Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

d) Quyết định số 53/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận (cũ) Ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Lâm Đồng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Lâm Đồng;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH(Hg).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Ngọc Hiệp

ỦY BAN NHÂN NHÂN TỈNH LÂM ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hành Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh) ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (sau đây viết là NHCSXH) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác

1. Nguồn vốn ngân sách địa phương các cấp đã ủy thác qua NHCSXH cho vay đến thời hạn thu hồi để quay vòng vốn.

2. Nguồn vốn còn lại tại thời điểm giải thể Quỹ giải quyết việc làm địa phương thành lập theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Nguồn vốn ngân sách địa phương cấp hằng năm do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

4. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được trích hằng năm để bổ sung nguồn vốn ủy thác theo quy định tại khoản 3 khoản 5 Điều 10 Quy chế này.

5. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định tại khoản 6 Điều 11 Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc sử dụng vốn

1. Chi nhánh NHCSXH tỉnh, các Phòng giao dịch NHCSXH trực thuộc và

các cơ quan liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng được vay vốn. Việc cho vay phải bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng và tuân thủ điều kiện vay vốn theo quy định pháp luật hiện hành và Quy chế này.

2. Người vay vốn phải sử dụng vốn vay đúng mục đích và hoàn trả đầy đủ nợ gốc, lãi vay theo đúng thời hạn đã cam kết trong Hợp đồng tín dụng.

Điều 4. Xây dựng kế hoạch nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH

Việc xây dựng kế hoạch vốn ngân sách địa phương trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm để ủy thác qua NHCSXH được thực hiện theo các nội dung sau:

1. Sở Tài chính là cơ quan đầu mối phối hợp với các sở, ngành liên quan và Chi nhánh NHCSXH tỉnh:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định cơ chế, chính sách cụ thể về tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định bố trí vốn ngân sách địa phương trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

2. Chi nhánh NHCSXH tỉnh:

a) Báo cáo, dự kiến nhu cầu vốn tín dụng chính sách xã hội từ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm gửi Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện ủy thác vốn ngân sách địa phương để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi theo quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Hợp đồng ủy thác

1. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài chính ký hợp đồng ủy thác, phụ lục hợp đồng ủy thác (nếu có) với Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

2. Chi nhánh NHCSXH tỉnh phối hợp với Sở Tài chính lập và ký hợp đồng ủy thác, phụ lục hợp đồng ủy thác (nếu có) theo quy định.

3. Khi có sự thay đổi về số dư nguồn vốn ủy thác (khi nhận bổ sung nguồn vốn ủy thác, tiền lãi cho vay bổ sung nguồn vốn cho vay), Chi nhánh NHCSXH tỉnh phối hợp với Sở Tài chính ký hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng ủy thác để cập nhật số dư nguồn vốn ủy thác.

Điều 6. Phân bổ dự toán và quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương hàng năm bố trí để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác

1. Phân bổ nguồn vốn

a) Căn cứ nguồn vốn ủy thác của địa phương và tình hình thực tế, Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh phân bổ nguồn vốn ủy thác cho các địa phương, đơn vị theo quy định hiện hành của NHCSXH.

b) Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH trực thuộc có trách nhiệm cho vay đến các đối tượng thụ hưởng theo đúng Quyết định phân bổ vốn đã được Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH phê duyệt.

2. Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành; hình thức cấp phát bằng lệnh chi tiền; hạch toán chi ngân sách nhà nước theo mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 7. Đối tượng cho vay

1. Các đối tượng theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; các đối tượng thụ hưởng khác theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ từng thời kỳ.

2. Các đối tượng chính sách khác tại địa phương (ngoài đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này) theo Nghị quyết số 71/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng được vay vốn; mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 8. Cơ chế cho vay

1. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay

a) Đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy chế này thực hiện theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của NHCSXH trong từng thời kỳ.

b) Đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy chế này thực hiện mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay theo quy định tại Nghị quyết số 71/2025/NQ-HĐND ngày 10 ngày 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng được vay vốn; mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Mục đích sử dụng vốn vay, quy trình, thủ tục cho vay, đảm bảo tiền vay (nếu có): Theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của NHCSXH trong từng thời kỳ.

Điều 9. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. **Về** thẩm quyền gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn do NHCSXH nơi cho vay xem xét, quyết định theo quy định của NHCSXH từng thời kỳ, phù hợp với nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác.

2. Thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ, thực hiện theo quy định của NHCSXH từng thời kỳ.

Điều 10. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

1. Chi nhánh NHCSXH tỉnh, các Phòng giao dịch NHCSXH trực thuộc quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương vào thu nhập của ngân hàng và được quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên như sau:

a) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với NHCSXH và các văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh theo dư nợ cho vay bình quân (hiện nay là 0,384%/tháng). Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho NHCSXH theo quy định, ngân sách cấp tỉnh cấp bù phần còn thiếu cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

c) Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, thẩm định hồ sơ xử lý rủi ro, khen thưởng và công tác phối hợp triển khai các hoạt động tín dụng chính sách xã hội của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cấp tỉnh và cấp xã, Chi nhánh NHCSXH tỉnh, các Phòng giao dịch NHCSXH trực thuộc, các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước ủy thác qua NHCSXH. Mức trích là 15% số tiền lãi thu được. Mức trích cụ thể đối với các chương trình cho vay theo khoản 2 Điều 10 của Quy chế này. Căn cứ mức phí quản lý được trích, Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cấp tỉnh và cấp xã, Chi nhánh NHCSXH tỉnh, các Phòng giao dịch NHCSXH trực thuộc, các sở, ngành, đơn vị liên quan có trách nhiệm quyết định việc sử dụng nguồn kinh phí được trích theo quy định.

2. Mức trích cụ thể đối với các chương trình cho vay như sau:

a) Đối với các chương trình cho vay thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi về cho vay hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề, phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý; đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; hộ nghèo về nhà ở:

Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh: 6% (sáu phần trăm); Ban

đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cấp xã: 4% (bốn phần trăm); Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 0,5% (không phẩy năm phần trăm); Sở Tài chính: 2,5% (hai phẩy năm phần trăm); Sở Dân tộc và Tôn giáo: 2% (hai phần trăm).

b) Đối với chương trình cho vay Nhà ở xã hội:

Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh: 6% (sáu phần trăm); Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cấp xã: 4% (bốn phần trăm); Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 0,5% (không phẩy năm phần trăm); Sở Tài chính: 2,5% (hai phẩy năm phần trăm); Sở Xây dựng: 2% (hai phần trăm).

c) Đối với các chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật, toán:

Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh: 6% (sáu phần trăm); Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cấp xã: 4% (bốn phần trăm); Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 0,5% (không phẩy năm phần trăm); Sở Tài chính: 2,5% (hai phẩy năm phần trăm); Sở Giáo dục và Đào tạo: 2% (hai phần trăm).

d) Đối với chương trình cho vay người chấp hành xong án phạt tù:

Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh: 6% (sáu phần trăm); Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cấp xã: 4% (bốn phần trăm); Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 0,5% (không phẩy năm phần trăm); Sở Tài chính: 2,5% (hai phẩy năm phần trăm); Công an tỉnh: 2% (hai phần trăm).

đ) Đối với các chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm; cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng:

Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh: 6% (sáu phần trăm); Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cấp xã: 4% (bốn phần trăm); Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 1% (một phần trăm); Sở Tài chính: 2,5% (hai phẩy năm phần trăm); Sở Nội vụ: 1,5% (một phẩy năm phần trăm).

e) Đối với các chương trình cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cho vay nước sạch vệ sinh môi trường:

Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh: 6% (sáu phần trăm); Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cấp xã: 4% (bốn phần trăm); Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 1% (một phần trăm); Sở Tài chính: 2,5% (hai phẩy năm phần trăm); Sở Nông nghiệp và Môi trường: 1,5% (một phẩy năm phần trăm).

g) Đối với các chương trình cho vay còn lại (loại trừ các chương trình trên):

Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh: 6% (sáu phần trăm); Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cấp xã: 4% (bốn phần trăm); Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 2,5% (hai phẩy năm phần trăm); Sở Tài chính: 2,5% (hai phẩy năm phần trăm); trường hợp trong chương trình cho vay có quy định tỷ lệ

trích để lại theo quyết định của cơ quan, cấp có thẩm quyền thì thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền.

3. Sau khi trừ các khoản chi phí và trích theo tỷ lệ quy định nêu trên, phần còn lại (nếu có) được bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

4. Trường hợp các cơ quan, đơn vị không sử dụng hết số kinh phí được trích theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, căn cứ báo cáo quyết toán, nhu cầu vay vốn, số dư nguồn vốn cho vay và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Chi nhánh NHCSXH tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chuyển phần kinh phí còn dư bổ sung nguồn vốn ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định.

5. Phân phối tiền lãi cho vay

a) Chi nhánh NHCSXH tỉnh, các Phòng giao dịch NHCSXH trực thuộc thực hiện trích lập và phân phối số tiền lãi thu được theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

b) Định kỳ vào ngày 10 tháng đầu tiên của quý tiếp theo, Chi nhánh NHCSXH tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo số lãi thu được của quý trước, số kinh phí còn thiếu phải cấp bù từ ngân sách địa phương (nếu có), gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt cấp bù phần chênh lệch thiếu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

c) Trước ngày 15 tháng 01 của năm sau, Chi nhánh NHCSXH tỉnh có trách nhiệm tổng hợp báo cáo số tiền lãi thu được, số dư nợ; việc trích lập, phân phối tiền lãi và số kinh phí còn thiếu phải cấp bù từ ngân sách địa phương của năm trước (nếu có), gửi Sở Tài chính đối chiếu.

d) Trường hợp số kinh phí cấp bù của từng quý cao hơn số kinh phí phải cấp bù của cả năm, Sở Tài chính thực hiện bù trừ vào phần kinh phí phải cấp bù cho các cơ quan, đơn vị trong năm sau hoặc nộp trả ngân sách theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 11. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

2. Đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định.

3. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc khoanh nợ, xóa nợ cho khách hàng vay vốn từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác trên cơ sở đề xuất của Chi nhánh NHCSXH tỉnh sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

b) Giám đốc NHCSXH nơi cho vay quyết định việc gia hạn nợ đối với khách hàng.

4. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro: Sử dụng từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được Chi nhánh NHCSXH tỉnh, các Phòng giao dịch NHCSXH trực thuộc trích lập và quản lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Quy chế này.

5. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro không đủ để bù đắp, tùy theo tình hình thực tế, khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung ngân sách địa phương để xử lý hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương chuyển qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

6. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa; Chi nhánh NHCSXH tỉnh được phép hạch toán bổ sung nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

7. Đối với Quỹ dự phòng rủi ro địa phương đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01 tháng 8 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng Quỹ giải quyết việc làm địa phương và kinh phí quản lý Quỹ quốc gia về việc làm được tiếp tục giao NHCSXH quản lý để xử lý rủi ro theo quy định.

Điều 12. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo

1. Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc NHCSXH.

2. Định kỳ 6 tháng, hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh NHCSXH tỉnh tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính để theo dõi, giám sát đối với số vốn đã ủy thác từ ngân sách địa phương; kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác; việc phân phối, sử dụng số tiền lãi thu được theo Điều 10 Quy chế này và một số nội dung khác có liên quan.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương và người vay vốn

1. Trách nhiệm của Sở Tài chính: Phối hợp với Chi nhánh NHCSXH tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan:

a) Hằng năm, cân đối số vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Trường hợp cần bổ sung nguồn vốn ủy thác, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp và thống nhất với các cơ quan, đơn vị có liên quan trước khi báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

b) Tổ chức ký kết hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh theo Quy chế này; thực hiện chuyển vốn kịp thời cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn.

c) Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc quản lý, tình hình và kết quả thực hiện cho vay từ nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương; việc phân phối, sử dụng tiền lãi cho vay thu được theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

d) Phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro của hộ vay vốn từ nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương và có ý kiến bằng văn bản gửi Chi nhánh NHCSXH tỉnh để tổng hợp, báo cáo trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

đ) Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý đối với trường hợp số dư Quỹ dự phòng rủi ro không đủ để xử lý nợ bị rủi ro.

e) Thẩm định và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cấp bù từ ngân sách địa phương phần chênh lệch trong trường hợp tiền lãi thu được sau khi trích Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho các cơ quan, đơn vị theo tỷ lệ quy định trên cơ sở đề nghị của Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

2. Trách nhiệm của Sở Nội vụ: Phối hợp với Sở Tài chính, Chi nhánh NHCSXH tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan:

a) Xây dựng kế hoạch cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm; cho vay vốn đi lao động có thời hạn ở nước ngoài trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện cho vay theo quy định và xử lý theo thẩm quyền các vấn đề phát sinh có liên quan đến công tác cho vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm; cho vay vốn đi lao động có thời hạn ở nước ngoài.

c) Kiểm tra, giám sát tình hình và kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác; phối hợp thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro đối với chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm; cho vay vốn đi lao động có thời hạn ở nước ngoài và có ý kiến bằng văn bản gửi Chi nhánh NHCSXH tỉnh để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường: Phối hợp với Sở Tài chính, Chi nhánh NHCSXH tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan:

a) Xây dựng kế hoạch cho vay thuộc chương trình cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cho vay nước sạch vệ sinh môi trường trình Ủy ban

nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện cho vay theo quy định và xử lý theo thẩm quyền các vấn đề phát sinh có liên quan đến công tác cho vay vốn.

c) Kiểm tra, giám sát tình hình và kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác; thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro đối với chương trình cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cho vay nước sạch vệ sinh môi trường và có ý kiến bằng văn bản gửi Chi nhánh NHCSXH tỉnh để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Trách nhiệm của Sở Xây dựng: Phối hợp với Sở Tài chính, Chi nhánh NHCSXH tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan:

a) Xây dựng kế hoạch cho vay nhà ở xã hội trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện cho vay theo quy định và xử lý theo thẩm quyền các vấn đề phát sinh có liên quan đến công tác cho vay nhà ở xã hội.

c) Kiểm tra, giám sát tình hình và kết quả cho vay nhà ở xã hội; thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro chương trình cho nhà ở xã hội và có ý kiến bằng văn bản gửi Chi nhánh NHCSXH tỉnh để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

5. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo: Phối hợp với Sở Tài chính, Chi nhánh NHCSXH tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan:

a) Xây dựng kế hoạch cho vay chương trình học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện cho vay theo quy định và xử lý theo thẩm quyền các vấn đề phát sinh có liên quan đến công tác cho vay chương trình học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật, toán.

c) Kiểm tra, giám sát tình hình và kết quả cho vay chương trình học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật, toán; thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro đối với các chương trình cho vay này và có ý kiến bằng văn bản gửi Chi nhánh NHCSXH tỉnh để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

6. Trách nhiệm của Sở Dân tộc và Tôn giáo: Phối hợp với Sở Tài chính, Chi nhánh NHCSXH tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan:

a) Xây dựng kế hoạch cho vay hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề, phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý; đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; hộ nghèo về nhà ở trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện cho vay theo quy định và xử lý theo thẩm quyền các vấn đề phát sinh có liên quan đến công tác cho vay hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề, phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý; đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; hộ nghèo về nhà ở.

c) Kiểm tra, giám sát tình hình và kết quả cho vay hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề, phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý; đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; hộ nghèo về nhà ở; thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro đối với các chương trình cho vay này và có ý kiến bằng văn bản gửi Chi nhánh NHCSXH tỉnh để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

7. Trách nhiệm của Công an tỉnh: Phối hợp với Sở Tài chính, Chi nhánh NHCSXH tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan:

a) Xây dựng kế hoạch cho vay chương trình cho vay người chấp hành xong án phạt tù trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện cho vay theo quy định và xử lý theo thẩm quyền các vấn đề phát sinh có liên quan đến công tác cho vay chương trình cho vay người chấp hành xong án phạt tù.

c) Kiểm tra, giám sát tình hình và kết quả chương trình cho vay người chấp hành xong án phạt tù; thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro đối với chương trình cho vay này và có ý kiến bằng văn bản gửi Chi nhánh NHCSXH tỉnh để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

8. Sở Khoa học và Công nghệ, Báo và Phát thanh, Truyền hình Lâm Đồng, Trung tâm thông tin và Hội nghị tỉnh tăng cường thông tin tuyên truyền về chủ trương của Đảng và Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội; vai trò của tín dụng chính sách xã hội góp phần quan trọng trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh; quyền lợi và trách nhiệm của các đối tượng chính sách khi vay vốn tín dụng ưu đãi tại NHCSXH.

9. Trách nhiệm của các Tổ chức chính trị - xã hội các cấp nhận ủy thác:

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ Tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay.

b) Phối hợp với NHCSXH trong việc triển khai cho vay; tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với NHCSXH.

c) Tuyên truyền, vận động người vay vốn sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc, trả lãi theo đúng quy định.

10. Trách nhiệm của thành viên Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cấp tỉnh và cấp xã, Chi nhánh NHCSXH tỉnh, các Phòng giao dịch NHCSXH trực thuộc: Kiểm tra, giám sát việc thực hiện cho vay hộ nghèo và

các đối tượng chính sách khác trên địa bàn từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác theo quy định tại Quyết định này.

11. Trách nhiệm của Chi nhánh NHCSXH tỉnh:

a) Ký kết hợp đồng, phụ lục hợp đồng ủy thác quản lý nguồn vốn ngân sách địa phương với Sở Tài chính. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ủy thác của ngân sách địa phương theo đúng quy định của pháp luật và quy định tại Quy chế này.

b) Thực hiện trích lập, phân phối và sử dụng tiền lãi được phân bổ theo đúng quy định tại Quy chế này.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan khảo sát, xác định đối tượng, nhu cầu vay vốn, xây dựng kế hoạch nguồn vốn ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua NHCSXH trên địa bàn.

d) Thực hiện và chỉ đạo các Phòng giao dịch NHCSXH trực thuộc thực hiện cho vay đúng quy trình nghiệp vụ, cho vay đúng đối tượng, vốn vay sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả. Thực hiện việc theo dõi, ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo đúng quy định của NHCSXH và Quy chế này.

đ) Chủ động và phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng vốn vay; phối hợp xử lý, thu hồi nợ vay và lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

e) Hướng dẫn khách hàng lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ bị rủi ro của khách hàng, kiểm tra đảm bảo tính chính xác, hợp pháp đúng quy định của bộ hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro của khách hàng; gửi hồ sơ, xin ý kiến của các sở, ngành có liên quan; tổng hợp hồ sơ báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét xử lý rủi ro theo quy định. Thực hiện xử lý hồ sơ rủi ro khi có Quyết định của xử lý rủi ro của Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng cơ chế hiện hành.

12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu:

a) Chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan chức năng, cơ quan thực hiện chương trình và Phòng giao dịch NHCSXH thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này.

b) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này.

c) Phối hợp với NHCSXH, các Tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đôn đốc thu hồi nợ đến hạn, nợ quá hạn; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

d) Phối hợp với NHCSXH xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn, người vay đi khỏi nơi cư trú; hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan và có ý kiến về đề nghị xử lý rủi ro của người vay;

tham gia tổ đôn đốc thu hồi nợ khó đòi.

13. Trách nhiệm của người vay vốn:

a) Kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác.

b) Hoàn trả nợ gốc, lãi vay đúng thời hạn và sử dụng vốn vay đúng mục đích theo quy định.

c) Trường hợp chây ỳ không hoàn trả nợ gốc, lãi vay hoặc sử dụng vốn vay không đúng mục đích sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Khen thưởng, kỷ luật

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện tốt công tác cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác theo quy định tại Quy chế này được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm những nội dung quy định tại Quy chế này thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các hợp đồng vay vốn: Các hợp đồng vay vốn từ nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương đã ký kết trước thời điểm Quy chế này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đã ký kết và được áp dụng các chế độ, chính sách theo quy định, cụ thể:

a) Khu vực tỉnh Lâm Đồng (cũ): Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (cũ) ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (cũ) bổ sung một số điều của Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng ban hành kèm theo Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng; Quyết định 1902/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (cũ) phê duyệt Đề án Chính sách tín dụng dành cho thanh niên khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Quyết định 671/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (cũ) về đề án thành lập tổ hợp tác tiết kiệm và vay vốn trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

b) Khu vực tỉnh Đắk Nông (cũ): Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông (cũ) ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

c) Khu vực tỉnh Bình Thuận (cũ): Quyết định số 53/2024/QĐ-UBND ngày

31 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận (cũ) ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

2. Đối với việc phân phối và sử dụng tiền lãi: Tiền lãi từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương đã thu trước thời điểm Quy chế này có hiệu lực thi hành thì việc phân phối, quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay thực hiện theo các Quyết định tại khoản 1 Điều 15 Quy chế này. Riêng đối với nội dung chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, của cơ quan, đơn vị đã sáp nhập không còn hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 thì Chi nhánh NHCSXH tỉnh hạch toán bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản trích dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Trong quá trình thực hiện, khi có những vấn đề mới phát sinh dẫn đến một số nội dung trong Quy chế này không còn phù hợp, giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Chi nhánh NHCSXH tỉnh và các sở, ngành liên quan tổng hợp báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.